

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 182/2003/QĐ-TTg ngày 05/9/2003 về việc phát hành trái phiếu Chính phủ để đầu tư một số công trình giao thông, thủy lợi quan trọng của đất nước.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 414/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 29 tháng 8 năm 2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phát hành trái phiếu Chính phủ để xây dựng một số công trình giao thông, thủy lợi quan trọng của đất nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2000/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2000 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế phát hành trái phiếu Chính phủ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phát hành trái phiếu Chính phủ huy động vốn đầu tư bằng Đồng Việt Nam và ngoại tệ để đầu tư một số công trình giao thông, thủy lợi quan trọng của đất nước theo Danh mục công trình sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2003 - 2010 (kèm theo).

Điều 2.

1. Tổng mức trái phiếu Chính phủ phát hành trong giai đoạn 2003 - 2010 khoảng 63.000 tỷ đồng; trong đó mức phát hành bằng ngoại tệ

trong tổng mức phát hành giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định cụ thể hàng năm căn cứ vào tình hình thị trường tài chính - tiền tệ.

Vốn đầu tư cho một số công trình giao thông tại điểm V của Danh mục quy định tại Điều 1 được cộng thêm vào tổng mức phát hành trái phiếu Chính phủ khi dự án khả thi được phê duyệt.

2. Mức phát hành và thời điểm phát hành hàng năm được căn cứ vào nhu cầu vốn (kể cả nhu cầu vốn để thanh toán tiền gốc trái phiếu Chính phủ theo quy định tại Điều 6 của Quyết định này) và tiến độ thực hiện của các công trình.

3. Toàn bộ khoản vay từ trái phiếu Chính phủ được tập trung vào Kho bạc Nhà nước để sử dụng cho các công trình và giải ngân theo tiến độ thực hiện công trình. Không sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu Chính phủ để thanh toán vốn ngân sách nhà nước đã bố trí cho các công trình (theo Danh mục quy định tại Điều 1) đến hết năm 2003.

4. Ngoại tệ thu được từ việc phát hành trái phiếu bằng ngoại tệ, sau khi trừ những khoản chi trực tiếp bằng ngoại tệ, được bán cho Ngân hàng Nhà nước để tăng dự trữ ngoại hối của Nhà nước; tiền Đồng Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước trả được chuyển cho Kho bạc Nhà nước.

Điều 3. Đối tượng mua trái phiếu Chính phủ bao gồm các tổ chức, công dân Việt Nam; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; người nước ngoài làm việc, cư trú ở Việt Nam; tổ chức nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Các tổ chức của Việt Nam không được dùng nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp để mua trái phiếu Chính phủ.

Điều 4. Chủ sở hữu trái phiếu Chính phủ có quyền và được hưởng các ưu đãi sau :

1. Được Chính phủ bảo đảm thanh toán đầy

dủ, đúng hạn gốc và lãi trái phiếu bằng đồng tiền khi mua trái phiếu.

2. Được chuyển nhượng, tặng, để lại thừa kế hoặc sử dụng để cầm cố trong các quan hệ tín dụng; trái phiếu bằng Đồng Việt Nam được niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán.

3. Chủ sở hữu trái phiếu là cá nhân, ngoài các quyền quy định tại khoản 1 và 2 nêu trên, còn được miễn thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập từ trái phiếu Chính phủ và được lưu ký trái phiếu Chính phủ miễn phí tại hệ thống Kho bạc Nhà nước.

4. Chủ sở hữu trái phiếu là các tổ chức tín dụng, ngoài các quyền quy định tại khoản 1 và 2 nêu trên, còn được giao dịch trái phiếu Chính phủ trên thị trường tiền tệ, chiết khấu và tái chiết khấu trái phiếu Chính phủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 5.

1. Trái phiếu do Bộ Tài chính phát hành với kỳ hạn 05 năm và 10 năm. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định phát hành thêm loại kỳ hạn ngắn hoặc dài hơn.

2. Trái phiếu được phát hành theo phương thức ghi sổ và chứng chỉ; có ghi tên hoặc không ghi tên.

3. Mệnh giá trái phiếu Chính phủ được quy định như sau:

a) Đối với trái phiếu phát hành và thanh toán bằng Đồng Việt Nam, mệnh giá tối thiểu là 100.000 đồng, các mệnh giá khác là bội số của 100.000 đồng, mệnh giá cụ thể do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định;

b) Đối với trái phiếu phát hành và thanh toán bằng ngoại tệ, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể cho từng đợt phát hành.

4. Trái phiếu bằng Đồng Việt Nam được phát

hành dưới hình thức bán lẻ qua hệ thống Kho bạc Nhà nước, đấu thầu qua thị trường giao dịch chứng khoán tập trung, đại lý phát hành hoặc bảo lãnh phát hành; được niêm yết và giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.

5. Trái phiếu bằng ngoại tệ được phát hành dưới hình thức bán lẻ qua hệ thống Kho bạc Nhà nước và đấu thầu qua hệ thống ngân hàng.

6. Lãi suất trái phiếu phát hành dưới hình thức đấu thầu là lãi suất hình thành qua kết quả đấu thầu. Lãi suất trái phiếu phát hành dưới hình thức bán lẻ qua hệ thống Kho bạc Nhà nước, đại lý phát hành hoặc bảo lãnh phát hành do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định trên cơ sở trao đổi với Ngân hàng Nhà nước và tham khảo lãi suất thị trường.

Mức lãi suất trái phiếu Chính phủ phải đủ hấp dẫn, nhưng không gây khó khăn, trở ngại cho việc huy động vốn của các ngân hàng thương mại.

Điều 6.

1. Giá trị gốc của trái phiếu Chính phủ được thanh toán một lần khi đến hạn, tiền lãi được thanh toán mỗi năm một lần thông qua hệ thống Kho bạc Nhà nước hoặc các đại lý thanh toán được ủy quyền.

2. Nguồn thanh toán tiền lãi, chi phí phát hành và chi phí thanh toán trái phiếu Chính phủ được cân đối trong dự toán Ngân sách Nhà nước hàng năm. Nguồn trả nợ gốc trái phiếu đến hạn được bố trí từ nguồn phát hành trái phiếu Chính phủ các đợt tiếp theo hoặc cân đối một phần vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 7. Trách nhiệm của các Bộ, ngành và các cơ quan liên quan được quy định như sau:

1. Bộ Tài chính:

- Quyết định phương thức và hình thức phát

hành, kỳ hạn, mức phát hành, thời điểm phát hành và tổ chức thực hiện việc phát hành trái phiếu Chính phủ theo kế hoạch và tiến độ thực hiện các công trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Thực hiện hạch toán, quyết toán nguồn vốn huy động từ trái phiếu Chính phủ và việc sử dụng nguồn vốn này; tổ chức quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư các công trình theo đúng quy định của pháp luật;

- Bố trí nguồn trong Ngân sách Nhà nước để thanh toán gốc, lãi trái phiếu Chính phủ theo quy định tại Điều 6 của Quyết định này;

- Hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình huy động và việc cấp phát, thanh toán vốn đầu tư cho các công trình;

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Ngân hàng Nhà nước:

- Phối hợp với Bộ Tài chính tổ chức đấu thầu phát hành trái phiếu Chính phủ qua hệ thống ngân hàng;

- Phối hợp với Bộ Tài chính để tính toán lãi suất phát hành, các cân đối vĩ mô về tiền tệ, tỷ giá;

- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng tham gia mua trái phiếu bằng ngoại tệ;

- Tổ chức mua lại nguồn ngoại tệ thu được từ việc phát hành trái phiếu bằng ngoại tệ để tăng dự trữ ngoại hối của Nhà nước và bán ngoại tệ cho Bộ Tài chính để thanh toán tiền gốc và lãi trái phiếu bằng ngoại tệ khi đến hạn.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Phối hợp với Bộ Tài chính cân đối vốn đầu tư

theo tiến độ thực hiện các công trình để xác định nhu cầu phát hành hàng năm; tính toán, tổng hợp các cân đối vĩ mô để đảm bảo an toàn tài chính quốc gia;

- Phối hợp với Bộ Tài chính cân đối bố trí nguồn trong ngân sách nhà nước để thanh toán gốc, lãi, chi phí phát hành trái phiếu Chính phủ theo quy định tại Điều 6 Quyết định này.

- Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện đầu tư của các công trình;

- Phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

4. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phối hợp với Bộ Tài chính tổ chức đấu thầu trái phiếu Chính phủ qua thị trường chứng khoán tập trung.

5. Bộ Văn hóa - Thông tin phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành có liên quan, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của việc phát hành trái phiếu Chính phủ để các tầng lớp nhân dân hiểu rõ và tích cực tham gia.

6. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với các cấp Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức, tuyên truyền, vận động mọi tầng lớp nhân dân tham gia mua trái phiếu Chính phủ.

7. Các Bộ, địa phương được giao nhiệm vụ đầu tư các công trình giao thông, thủy lợi quan trọng của đất nước từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ phải tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện khẩn trương, dứt điểm, đảm bảo chất lượng, đúng chế độ quy định, sớm đưa công trình vào sử dụng phát huy hiệu quả; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

Điều 8. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

**DANH MỤC
CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG NGUỒN VỐN
PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ GIAI ĐOẠN 2003 - 2010**

(ban hành kèm theo Quyết định số 182/2003/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ).

Đơn vị: tỷ đồng

Số thứ tự	Công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Vốn ngân sách nhà nước đã bố trí đến hết năm 2003	Mức vốn trái phiếu Chính phủ đầu tư cho công trình (1)
	Tổng số		71.640	7.832	63.064
I	Các công trình giao thông		48.898	7.359	41.539
1	Dự án đường Hồ Chí Minh		17.022	5.642	11.380
	- Đường Hồ Chí Minh giai đoạn 1	00-05	9.022	5.642	3.380
	+ Tuyến chính	00-03	7.900	5.542	2.358
	+ Các công trình tính vào giai đoạn 1	00-05	1.122	100	1.022
	- Đường Hồ Chí Minh giai đoạn 2	06--10	8.000		8.000
2	Quốc lộ 6	02--05	5.817	1.500	4.317
	- Giai đoạn 1		4.967	1.500	3.467
	+ Quốc lộ 6 và hạng mục đảm bảo giao thông	02--05	3.245	1.270	1.975
	+ Quốc lộ 32	02--05	1.322	195	1.127
	+ Quốc lộ 37	02--05	400	35	365
	- Giai đoạn 2 (Sơn La - Tuần Giáo - Lai Châu)	05--08	850		850
3	Vành đai biên giới phía Bắc	00-10	6.493	34	6.459
	- Vành đai 1 (hệ thống quốc lộ 4)	00--10	4.593	34	4.559
	+ Quốc lộ 4A	00-04	401		401
	+ Quốc lộ 4B	01--05	260		260
	+ Quốc lộ 4C	03--04	115	34	81
	+ Quốc lộ 4D	01--05	158		158
	+ Đường nối quốc lộ 4C với quốc lộ 34	01--05	248		248
	+ Đường nối 4C và 4D	03--10	1.500		1.500
	+ Đường Mường Nhé - P. Ma	03--06	280		280
	+ Đoạn Sipaphin - Mường Nhé	01--05	277		277
	+ Quốc lộ 100	03--04	54		54
	+ Thị xã Điện Biên - thị xã Sơn La	03--08	1.300		1.300

Số thứ tự	Công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Vốn ngân sách nhà nước đã bố trí đến hết năm 2003	Mức vốn trái phiếu Chính phủ đầu tư cho công trình (1)
	Đoạn thị xã Điện Biên - sông Mã	04--08	1.000		1.000
	Đoạn sông Mã - thị xã Sơn La	03--06	300		300
	- Vành đai 279	04--09	1.900		1.900
	+ Đoạn Tuần Giáo - Tây Trang	04--07	500		500
	+ Đoạn qua Tuyên Quang	04--09	1.000		1.000
	+ Đoạn Pá Uôn - Tuần Giáo	04--07	400		400
4	Hành lang Côn Minh - Hải Phòng	03--06	3.118		3.118
	- Quốc lộ 70	03--07	2.786		2.786
	- Quốc lộ 4D	03--04	146		146
	- Quốc lộ 4E	03--04	186		186
5	Quốc lộ 2	03--07	1.521	9	1.512
6	Quốc lộ 3	03--07	1.596		1.596
7	Quốc lộ 12 Km 104 - Km 196	02--05	355	6	349
8	Quốc lộ 7 (Tây Đô Lương - Nậm Cắn)	02--05	700	5	695
9	Tuyến Tây Nghệ An (Kỳ Sơn - Quế Phong - Thông Thụ)	03--08	600	25	575
10	Đường Vũng Áng - biên giới Việt - Lào (bao gồm cả đoạn ngập lụt km 17 - Km 29 quốc lộ 12 tại Quảng Bình, Khe Ve - Cha Lo)	03--07	1.100	90	1.010
11	Tuyến Nam Quảng Nam (Tam Kỳ - Trà My - Tác Pô - Đắc Tô)	04--08	532		532
12	Quốc lộ 14D	99-04	433	45	388
13	Quốc lộ 19	03--05	117		117
14	Quốc lộ 14C (bao gồm cả đoạn kéo dài xuống quốc lộ 22 B)	03--06	1.415		1.415
	- Quốc lộ 14C	03--06	804		804
	- Đoạn kéo dài xuống quốc lộ 22B	06--10	611		611
15	Quốc lộ 22B	03--05	297	3	294
16	Tuyến Nam sông Hậu	03--08	1.900		1.900
17	Quản Lộ Phụng Hiệp	03--08	1.700		1.700
18	Quốc lộ 80 Mỹ Thuận - Vàm Cống	03--05	352		352
19	Tuyến N1	01--10	1.750		1.750
	- Đoạn Tịnh Biên - Hà Tiên	03--05	297		297
	- Toàn tuyến giai đoạn 2	05--10	1.453		1.453
20	Đường sắt Yên Viên - Phủ Lại - Hạ Long - Cái Lân	03--06	2.080		2.080

Số thứ tự	Công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Vốn ngân sách nhà nước đã bố trí đến hết năm 2003	Mức vốn trái phiếu Chính phủ đầu tư cho công trình (1)
II	Các công trình thủy lợi		13.942	273	12.925
1	Hồ và hệ thống kênh Ea Soup Thượng (Đắk Lắk)	99-06	400	139	261
	- Hồ Ea Soup Thượng	99--06	167	139	28
	- Hệ thống kênh	03--04	233		233
2	Hồ Lòng Sông (Bình Thuận)	98-03	196	19	162
3	Hồ Suối Dầu (Khánh Hòa)	99-04	181	37	144
4	Hồ Sông Sào (Nghệ An)	96-03	141	38	103
5	Cụm thủy lợi đầu mối Hát Môn Đập Đáy (Hà Tây)	02--04	295	25	270
6	Hồ Cửa Đạt (Thanh Hóa)	03--10	2.679		2.400
7	Hồ Định Bình (Bình Định)	02--07	550	10	540
8	Hệ thống thủy lợi Sông Ray (Bà Rịa - Vũng Tàu)	04--10	1.500		1.450
9	Hồ Nước Trong (Quảng Ngãi)	04--10	1.300		1.300
10	Hồ K Rông Buk Hạ (Đắk Lắk)	06--10	1.200		1.000
11	Hồ K Rông Buk Thượng (Đắk Lắk)	99--06	1.200		1.000
12	Hồ JA Mơ (Gia Lai)	06--10	1.200		1.200
13	Hồ Bản Mông (Nghệ An)	05--10	2.600		2.600
14	Cống Đò Diêm (Hà Tĩnh)	01--04	140	5	135
15	Hồ Rào Đá (Quảng Bình)	03--06	150		150
16	Hồ Ea Mlá (Gia Lai)	03--07	210		210
III	Tái định cư thủy điện Sơn La	03--10	7.000	200	6.800
IV	Tái định cư thủy điện Na Hang (Tuyên Quang)	03--05	1.800		1.800
V	Một số công trình giao thông: tuyến Đông Trường Sơn; các tuyến nối các huyện ở Tây Thanh Hóa, Nghệ An (2)				

Ghi chú:

(1) Mức vốn phát hành trái phiếu Chính phủ đầu tư cho các công trình được sử dụng thanh toán nợ tín dụng và vốn ngân sách nhà nước đã ứng cho công trình đến hết năm 2003.

Không sử dụng để thanh toán vốn ngân sách nhà nước đã bố trí cho các công trình đến hết năm 2003.

(2) Vốn đầu tư cho các công trình này chưa nằm trong mức vốn phát hành trái phiếu Chính phủ (khoảng 63.000 tỷ đồng). Khi dự án khả thi được phê duyệt thì vốn đầu tư sẽ được cộng thêm vào tổng mức phát hành trái phiếu Chính phủ.